

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 9 năm 2022

*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phụng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Gia Khải

2. Ông Đinh Thế Cần

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXX-ST ngày 23/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị L, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Tiến Đ (tên khác: Nguyễn Tiến Nam), sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Chị L có mặt, anh Đ vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Phạm Thị L có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tiến Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 25/10/1995. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng hòa thuận được khoảng 26 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Đ hay chửi bới, xúc phạm

chị và gia đình bố mẹ chị, thậm chí còn có hành vi bạo lực gia đình. Vợ chồng tuy vẫn sống chung nhà nhưng không sinh hoạt cùng nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị L trình bày, chị và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 27/8/1996 và Nguyễn Tiến Ch, sinh ngày 28/11/2008. Hiện con Tr đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết còn con Ch vẫn đang ở cùng nhà với bố mẹ. Ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tiến Ch, không yêu cầu anh Đ phải góp tiền cấp dưỡng. Lý do chị xin nuôi con Nguyễn Tiến Ch vì từ trước đến nay con chủ yếu do chị chăm sóc, dạy dỗ. Hiện chị làm công nhân có thu nhập ổn định khoảng 9.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi con. Anh Đ làm công việc tự do, không có thu nhập ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2022 của anh Nguyễn Tiến Đ (anh Đ từ chối ký biên bản) thể hiện:*

Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn giữa anh và chị Phạm Thị L như chị L trình bày là đúng. Vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 27 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị L đi làm và có quan hệ ngoài luồng ở bên ngoài. Tháng 5/2022 chị L đi làm về có ném tờ giấy xin ly hôn vào mặt bàn trước mặt anh và nói lời lẽ khó nghe nên do nóng giận anh có cầm ghế nhựa ném về phía chị L. Chị L đi làm công ty, tối về nhà bà ngoại ăn cơm sau đó về nhà nghỉ ngơi nhưng vợ chồng không sinh hoạt chung. Nay chị L xin ly hôn, quan điểm của anh là đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị L.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 27/8/1996 và Nguyễn Tiến Ch, sinh ngày 28/11/2008. Hiện con Tr đã trưởng thành, con Ch đang ở cùng gia đình. Trường hợp ly hôn xảy ra, anh xin nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến Ch vì cháu là con trai cần sự dạy bảo của bố. Anh hiện làm lao động tự do và buôn bán đất thu nhập từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng/tháng. Gia đình anh có nhà và công trình phụ rộng rãi phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày còn chị L làm công ty không có thời gian nuôi dạy con cái.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Kết quả xác minh với cơ sở thôn A, xã Q, huyện Q có nội dung cơ bản phù hợp với lời khai của chị L, anh Đ, quá trình chung sống, vợ chồng chị L, anh Đ có mâu thuẫn với nhau, anh Đ có chửi bới và đánh đuổi chị L, cơ sở thôn và công an xã đã nhiều lần giải quyết nhưng anh Đ không thay đổi. Nay chị L xin ly hôn đề nghị Tòa*

án giải quyết về hôn nhân, con chung và các vấn đề khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

- *Tại biên bản lấy lời khai của con chung Nguyễn Tiến Ch, sinh ngày 28/11/2008 thể hiện:* con Chung có nguyện vọng được ở với mẹ.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Tiến Đ (N) là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Q, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa mở lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, con chung. Vì vậy đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, hôn nhân của chị L, anh Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống hòa thuận được 26 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Đ có hành vi chửi bới, đánh chị L vì nghi ngờ chị L không chung thủy. Vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng mỗi người một phòng, không sinh hoạt chung và không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn đã được cơ sở thôn A và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị L xin ly hôn, anh Đ cũng nhất trí nhưng không tham gia tố tụng tại các phiên tòa, phiên họp, không ký các văn bản, tài liệu tố tụng giao nhận với Tòa án. Như vậy, có cơ sở xác định anh Đ không có thiện chí hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được nên Hội đồng xét xử cần xử cho chị L được ly hôn anh Đ là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị L, anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 27/8/1996 và Nguyễn Tiến Ch, sinh ngày 28/11/2008. Hiện con Tr đã trưởng thành, chị L và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con Nguyễn Tiến Ch vẫn đang ở cùng vợ chồng. Ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tiến Ch, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng. Anh Đ cũng thể hiện quan điểm muốn nuôi dưỡng con chung vì là con trai cần sự dạy bảo của bố. Xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của cả chị L, anh Đ đều chính đáng. Tuy nhiên chị L chứng minh được điều kiện nuôi con, anh Đ không có tài liệu chứng cứ gì xuất trình cho Tòa án. Mặt khác bản thân cháu Nguyễn Tiến Ch cũng có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung cần áp dụng các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Nguyễn Tiến Ch cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh Đ phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Nguyễn Tiến Đoàn (tên khác là Nguyễn Tiến Nam).

2. Về quan hệ con chung: Xử giao chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tiến Ch, sinh ngày 28/11/2008 cho đến khi con Chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị L không yêu cầu anh Đ phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đối với con chung Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 27/8/1996 đã trên 18 tuổi, nên không đặt ra giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0004727 ngày 15/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Phạm Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Tiến Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Phụng**